

Số: 157/2026/QĐST-HNGĐ

Huế, ngày 07 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 174/2026/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1995; căn cước công dân số: 046195001573 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C cấp ngày 06/5/2024; nơi cư trú: Thôn A, xã N, thành phố H.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh Q, sinh năm: 2003; căn cước công dân số: 046203002930 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ C cấp ngày 22/4/2021; nơi cư trú: Thôn A, xã N, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5; điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 4 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1995 và anh Lê Thanh Q, sinh năm: 2003.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh Q có 01 người con chung: Lê Nguyễn Huy H, sinh ngày 22/02/2025. Hai bên đã thỏa thuận với nhau là giao cháu Lê Nguyễn Huy H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi); anh Lê Thanh Q phải có

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng)/01 tháng kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật (ngày 07/5/2026) cho đến khi cháu Lê Nguyễn Huy H đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Lê Thanh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở.

Đến hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Lê Thanh Q chậm thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng anh Q còn phải chịu thêm khoản lãi suất chậm thi hành theo mức lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh Q đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị T và anh Lê Thanh Q đã tự nguyện thỏa thuận với nhau là chị T phải chịu 150.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001338 ngày 23/4/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H; chị T đã nộp đủ.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
 - VKSND khu vực 4 - Huế;
 - THADS thành phố Huế;
 - UBND xã Nam Đông, thành phố Huế;
- (ĐKKH số 17 ngày 24/10/2023 tại UBND xã Thượng Nhật cũ)
- Đương sự;
 - Lưu án văn;
 - Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Mạnh